



shān shù

杉树

noun · fir tree

Example Sentences

shān shàng zhòng le hěn duō shān shù
山上种了很多杉树。

Many fir trees are planted on the mountain.

shān shù de yè zi shì zhēn xíng de sì jì cháng qīng
杉树的叶子是针形的，四季常青。

Fir trees have needle-shaped leaves and are evergreen all year round.

Trace each character, then write the word on your own.

杉	杉	杉	杉	杉	杉	杉	杉	杉	杉	
树	树	树	树	树	树	树	树	树	树	
树										